

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2005

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VIETNAM DAIRY PRODUCTS JOINT - STOCK COMPANY
184 - 186 - 188 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. HCM
ĐT: (08) 9300 358 Fax: (08) 9305 206
Website: www.vinamilk.com.vn
Email: vnamilk@vinamilk.com.vn

ADOMMET Co. - Y&E M&S 02/04 '76

CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ



CHẤT LƯỢNG VINAMILK

 **VINAMILK**

Mục Lục

I.	BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC	2 - 7
II.	GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY	8 - 12
1.	Giới thiệu về Công ty	
1.1	Giới thiệu	
1.2	Ngành nghề kinh doanh	
1.3	Cơ cấu Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2005	
2.	Tổ chức nhân sự	
2.1	Sơ đồ tổ chức Công ty	
III.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	13 - 16
1.	Chủ tịch Hội đồng quản trị Kiểm Tổng Giám Đốc	
2.	Các Thành Viên Hội đồng quản trị và Giám Đốc	
IV.	CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ RA BÊN NGOÀI	17 - 20
1.	Công ty Liên doanh sản xuất và kinh doanh sản phẩm sữa	
2.	Liên doanh sản xuất bia và các thức uống	
3.	Đầu tư vào Quỹ đầu tư VFI	
4.	Dự án HORIZON Apartment	
5.	Đầu tư vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình	
6.	Đầu tư vào cổ phiếu Công ty V-PACK	
7.	Dự án Nhà máy Sữa Tuyên Quang	
V.	HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG	21 - 22
VI.	SẢN PHẨM CÔNG TY	23 - 29



I. BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm 2005 là năm thứ hai Công ty chuyển sang hình thức cổ phần và cũng là một năm thành công nữa của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Mặc dù có những khó khăn do chi phí nguyên liệu đầu vào liên tục tăng trong những năm qua, Công ty vẫn đạt được những thành tích đáng kể trong năm 2005. Doanh thu đạt 5.659 tỷ, vượt 30% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông

đề ra. Lợi nhuận đạt 605 tỷ, vượt 15% so với kế hoạch.

Tỷ suất lợi nhuận của công ty đạt trên 10%/năm trong suốt những năm gần đây. Bên cạnh đó, bằng việc thay đổi phương pháp tiếp cận khách hàng theo hướng gần gũi, thân thiện và thường xuyên hơn, doanh thu tiêu thụ nội địa của công ty đạt mức tăng trưởng từ 12% đến 35%. Thương hiệu Vinamilk đã trở nên gần gũi và đạt được sự tin tưởng cao của khách hàng trong nước.

Với mục tiêu không chỉ đạt được yêu cầu về kết quả kinh doanh trong ngắn hạn cho nhà đầu tư, mà còn bảo đảm một sự phát triển bền vững lâu dài cho công ty, bên cạnh việc tiếp tục giữ vững và tăng cường khai thác hơn nữa tiềm năng thị trường sữa đặc truyền thống, Công ty đang thực hiện đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động bằng cách tham gia vào các ngành có tiềm năng khác như bia và cà phê; dịch vụ chăm sóc sức khỏe; tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh căn hộ, văn phòng cho thuê.

Kết quả đạt được trong năm 2005 cho thấy, phần lớn các chỉ tiêu tài chính quan trọng đều đạt hoặc vượt mức bình quân của nhiều năm trước. Năm 2005 cũng là năm Công ty thực hiện đầu tư mạnh vào việc mua sắm máy móc, thiết bị cũng như xây dựng nhà xưởng để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng trong tương lai.



KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Sự nổi bật trong kết quả kinh doanh là mức tăng trưởng doanh thu nội địa của công ty trong 5 năm luôn đạt trên mức 12% mỗi năm và tỷ suất lợi nhuận ròng luôn trên mức 10%. Bên cạnh đó, một số chỉ tiêu quan trọng khác cũng có kết quả khả quan. Thu nhập trên cổ phần (EPS) năm 2005 tăng 31% so với năm 2004, với mức tăng hơn 8.900 đồng/cổ phần (mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần). Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu tăng 2.5% so với năm 2004 và đạt mức 29.54%. Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (thể hiện khả năng sinh lời của tài sản) cũng tăng 4.2% và đạt 22% trong năm 2005.

Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) tăng hơn 30.9% và đạt mức 38.002đồng/cổ phần so với năm trước là do kết quả của sự tăng trưởng vượt bậc chỉ tiêu doanh thu. Chỉ tiêu doanh thu năm 2005 tăng 50.12% so với năm 2004.

Chỉ tiêu doanh thu tiêu thụ nội địa luôn đạt được mức tăng trưởng trên 12% mỗi năm từ năm 2001 tới nay (2005: 35%, 2004:30%, 2003:16%,2002: 17%, 2001: 13%). Doanh thu nội địa tăng trưởng mạnh từ năm 2004 tới nay là kết quả của chính sách hướng tới thị trường nội địa và việc thay đổi phương pháp tiếp cận khách hàng. Phương pháp tiếp cận mới cho phép Công ty trở nên gần gũi hơn với người tiêu dùng, với phong cách phục vụ chuyên nghiệp và hiệu quả hơn. Nhờ những thay đổi này, doanh thu nội địa năm 2005 tăng 32% so với năm 2004, tăng 65% so với 2003, gấp đôi so với mức 2.154 tỷ năm 2002 và gấp 2.25 lần so với mức 1.840 tỷ năm 2001.

Thị trường xuất khẩu của Công ty hiện tại chủ yếu vẫn là thị trường Iraq. Do đặc điểm không ổn định của thị trường này nên mức tăng trưởng xuất khẩu các năm qua không ổn định và chưa đạt được như mong đợi (2005: 172%, 2004: -41%, 2003: -66%, 2002: 23%. 2001: 111%). Sau thời gian bất ổn do chiến tranh, Công ty trở lại thị trường này với những hợp đồng ký với chính phủ lâm thời Iraq. Doanh thu xuất khẩu sữa bột 2005 đạt trên 1.300 tỷ đồng tăng 1.56 lần so với năm trước.

Năm 2005, lợi nhuận trước thuế (PBIT) tăng hơn 30% so với 2004 và đạt mức 603 tỷ đồng là do sự gia tăng doanh thu của các nhóm sản phẩm có tỷ trọng lớn trong cơ cấu sản phẩm như sữa đặc (tăng 21,7%), sữa tươi (46,8%), sữa chua (45,07%), sữa bột (20,65%) và nhóm Yomilk và YaO (16,95%).



CỔ TỨC

Căn cứ theo kết quả kinh doanh trong năm 2005, Hội đồng quản trị đã quyết định tạm chia cổ tức lần một vào tháng 08 năm 2005 với số tiền 8.000 đồng/ cổ phiếu tương đương 8%, và đợt 2 vào tháng 12 năm 2005 với số tiền 9.000 đồng/cổ phiếu tương đương 9% (mệnh giá cổ phiếu 100.000 đồng). Như vậy, tổng số cổ tức tạm ứng trong năm 2005 đã là 17.000đồng/cổ phiếu tương đương tỷ lệ 17%. Tỷ lệ cổ tức được chia trong năm 2005 sẽ được quyết định tại đại hội cổ đông dự kiến tổ chức tháng 4 năm 2006. Cổ tức được tạm chia năm 2005 (17%) cao hơn 2% so với mức cổ tức đã chia năm 2004 (15%).



CƠ CẤU SẢN PHẨM

Kết quả kinh doanh của Công ty là kết quả của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2005 tới ngày 31 tháng 12 năm 2005. Số liệu so sánh là của cùng kỳ năm trước.

a. Nhóm sữa bột và bột dinh dưỡng

Sữa bột và bột dinh dưỡng là một trong những nhóm sản phẩm chính và luôn đóng góp nhiều nhất vào kết quả kinh doanh. Doanh thu tiêu thụ nội địa của nhóm "Sữa bột và bột dinh dưỡng" vẫn duy trì một mức tăng trưởng cao. Doanh thu tăng 15,67%.

b. Nhóm sữa đặc, sữa vi và sữa ký Nguyên liệu

Nhóm "Sữa đặc, sữa vi và sữa ký nguyên liệu" là nhóm có tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản phẩm của Công ty. Doanh thu năm 2005 tăng 21,35% so với năm 2004.

c. Nhóm sữa tươi, sữa chua uống, kem sữa chua Susu

Có mức tăng trưởng cao nhất trong năm 2005 là nhóm "sữa tươi, sữa chua uống, kem sữa chua Susu". Kết quả này cho thấy đây là một thị trường đầy tiềm năng mà Công ty cần hướng tới trong tương lai. Doanh thu của nhóm đã tăng tới 42,43% so với năm 2004.

d. Nhóm hàng lạnh, thực phẩm, giải khát

Nhóm "hàng lạnh, thực phẩm, giải khát" cũng có mức tăng trưởng cao thứ 2 trong số các nhóm sản phẩm trong năm 2005. Nhóm đã có mức tăng trên 40% so với năm 2004.

e. Nhóm hàng cà phê, trà

Nằm trong chiến lược đa dạng hóa sản phẩm và phát triển sang các sản phẩm tiềm năng khác. Năm 2005 là năm đầu tiên Công ty giới thiệu với người tiêu dùng hai nhóm sản phẩm mới là trà và cà phê. Trong những năm đầu, mục tiêu của công ty là đưa sản phẩm làm quen với người tiêu dùng và để đánh giá thị trường cũng như định hướng cho những chiến lược marketing sau này.



KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2006

Để nâng cao thị phần nội địa, công ty đặt mục tiêu tăng trưởng cao về doanh thu tiêu thụ nội địa và làm động lực chính để nâng tổng doanh thu tăng 11,6% trong năm 2006. Cùng với việc giữ vững thị trường nội địa, công ty từng bước quay lại những thị trường xuất khẩu truyền thống. Do vậy, mục tiêu chính trong năm 2006 là tìm hiểu và đánh giá đối tác kinh doanh ở các thị trường này để làm cơ sở cho những bước phát triển trong các năm sau.

Mở rộng hoạt động kinh doanh sang các lĩnh vực tiềm năng khác nhằm đa dạng hóa hoạt động đầu tư, mang lại một sự phát triển mạnh mẽ và bền vững là mục tiêu trong năm 2006. Công ty đã quyết định tham gia vào hoạt động sản xuất và kinh doanh nước giải khát cao cấp (bia và cà phê hòa tan) và dịch vụ chăm sóc sức khỏe (phòng khám đa khoa), dự án hợp tác kinh doanh căn hộ cao cấp và Văn phòng cho thuê. Các dự án đã tiến hành đầu tư và sẽ đi vào hoạt động chính thức trong năm 2007.



THAY LỜI KẾT

Sự phát triển mạnh mẽ của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam trong suốt những năm vừa qua có được là do sự tin cậy và ủng hộ mạnh mẽ của Quý khách hàng, những đối tác kinh doanh cũng như có sự trợ giúp của các cơ quan chính quyền, các đoàn thể. Do vậy trước hết, thay mặt cho Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tôi xin có lời cảm ơn sâu sắc gửi tới Quý khách hàng, Đối tác kinh doanh, Quý cơ quan và các đoàn thể. Kính chúc quý vị luôn thành đạt trong công việc, thành công trong hoạt động kinh doanh và sẽ mở rộng hơn nữa sự hợp tác giữa chúng ta.

Sự thành công của một công ty luôn bao gồm sự thành công của khách hàng cũng như sự hiệu quả trong công việc của toàn thể nhân viên công ty. Toàn thể nhân viên đã đóng góp vào sự thành công của Vinamilk bằng sự cần cù, hiệu quả và sáng tạo trong công việc. Tôi xin gửi lời cảm ơn tới hơn 3.600 nhân viên toàn Công ty, xin cảm ơn sự đóng góp hiệu quả của mọi người và hy vọng tất cả nhân viên sẽ tiếp tục phát huy những khả năng của mình để đưa ngôi nhà Vinamilk của chúng ta tiếp tục đạt những kết quả tốt hơn trong tương lai.

Với những kết quả đạt được của năm 2005, tôi tin rằng trong thời gian tới Vinamilk sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ và vững chắc. Từ năm 2006, Công ty sẽ bắt đầu mở rộng sự phát triển sang các lĩnh vực có nhiều tiềm năng như bia và cà phê, dịch vụ chăm sóc sức khỏe và kinh doanh bất động sản. Dự kiến các dự án này sẽ đi vào hoạt động trong thời gian khoảng một tới hai năm tới và sẽ góp phần đưa Vinamilk tiếp tục có những phát triển ấn tượng trong tương lai.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2006

Thay mặt và đại diện cho
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Mai Kiều Liên



II. GIỚI THIỆU CÔNG TY

1. Giới thiệu về Công ty

1.1. Giới thiệu

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam được thành lập trên cơ sở quyết định số 155/2003QĐ-BCN ngày 01 tháng 10 năm 2003 của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Sữa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty số 4103001932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2003. Trước ngày 1 tháng 12 năm 2003, Công ty là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp.

- Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
- Tên giao dịch quốc tế: Vietnam Dairy Products Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VINAMILK



- Trụ sở: 36 -38 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
 - Văn phòng giao dịch: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: (08) 9300 358
 - Fax: (08) 9305 206
 - Web site: www.vinamilk.com.vn
 - Email: vinamilk@vinamilk.com.vn
- Vốn Điều lệ của Công ty Sữa Việt Nam hiện nay: 1.590.000.000.000 VND (Một ngàn năm trăm chín mươi tỷ đồng chẵn).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và kinh doanh sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng, bánh, sữa tươi, sữa đậu nành, nước giải khát và các sản phẩm từ sữa khác;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hoá chất và nguyên liệu.
- Kinh doanh nhà, môi giới cho thuê bất động sản; Kinh doanh kho bãi, bến bãi; Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô; Bốc xếp hàng hoá;
- Sản xuất mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, café rang- xay- phin - hoà tan;
- Sản xuất và mua bán bao bì, in trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa.
- Phòng khám đa khoa.



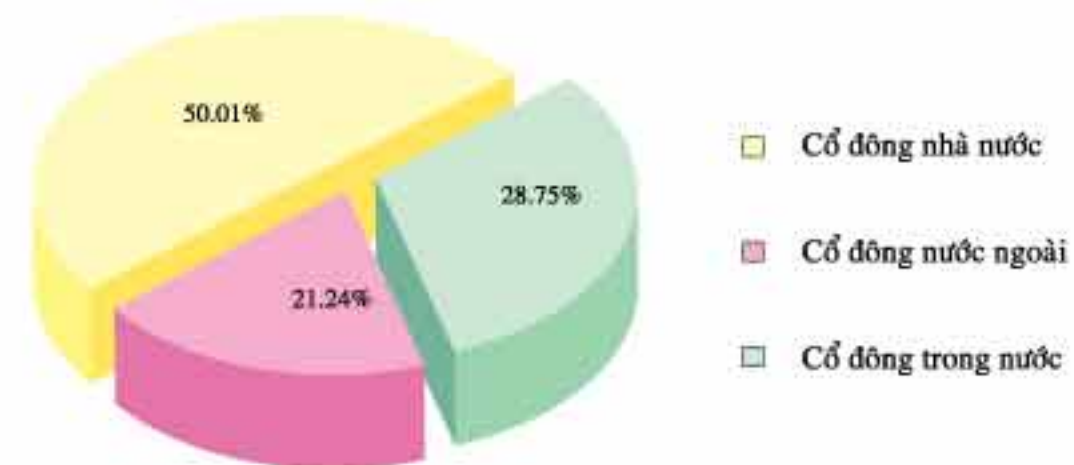
1.3. Cơ cấu Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2005

Mệnh giá cổ phần là 100.000đồng/cổ phần

Thành phần sở hữu:	Số cổ phần sở hữu
Cổ đông nhà nước:	7.952.000
Cổ đông trong nước:	3.377.611
Cổ đông nước ngoài:	4.570.389
Tổng số vốn chủ sở hữu:	15.900.000

Sơ đồ biểu diễn tỷ lệ cổ phần sở hữu theo thành phần:

Cổ đông nhà nước:	50,01%
Cổ đông trong nước:	21,24%
Cổ đông nước ngoài:	28,75%
Tổng cộng:	100,00%





2. Tổ chức nhân sự

2.1. Sơ đồ tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam là một tổ chức thống nhất bao gồm Văn phòng Công ty, 3 Chi nhánh, 8 Nhà máy trực thuộc và 01 tổng kho (Xí nghiệp Kho Vận). Mọi quyết định quan trọng về hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tại Văn phòng Công ty tại số 184 - 186 - 188 Nguyễn Đình Chiểu Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam như sau:



Sau đây là các nhóm sản phẩm chính và địa chỉ của các nhà máy cũng như các Chi nhánh Công ty Cổ phần sữa Việt Nam.

STT	ĐƠN VỊ	SẢN PHẨM CHÍNH	ĐỊA CHỈ
1	Nhà máy Sữa Thống Nhất	Sữa đặc có đường, sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, sữa chua uống, kem, bánh flan, sữa đậu nành	12 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, TP HCM ĐT: (84.8) 8960725
2	Nhà máy Sữa Trường Thọ	Sữa đặc có đường, sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, sữa đậu nành, nước ép trái cây, phômai, bánh flan	32 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, TP HCM ĐT: (84.8) 896 0727
3	Nhà máy Sữa Sài Gòn	Sữa tươi tiệt trùng, sữa chua uống, sữa đậu nành, nhựa và thiếc in	Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, Q.12, TP HCM ĐT: (84. 8) 717 6355
4	Nhà máy Sữa Dielac	Sữa bột, bột dinh dưỡng dành cho trẻ em và người lớn, trà và cà phê.	Khu Công Nghiệp Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai ĐT: (84.61) 836 115
5	Nhà máy Sữa Cần Thơ	Sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, kem, bánh	Khu Công Nghiệp Trà Nóc, TP Cần Thơ Tel: (84.71) 842 698
6	Nhà máy Sữa Bình Định	Sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, sữa chua uống, kem	KV1- P Quang Trung, Tp Quy Nhơn, Bình Định ĐT: (84.56) 746 066
7	Nhà máy Sữa Nghệ An	Sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, nước ép trái cây	Đường Sào Nam, Nghi Thu, Thị Xã Cửa Lò, Nghệ An Tel: (84.38) 949 032



STT	ĐƠN VỊ	SẢN PHẨM CHÍNH	ĐỊA CHỈ
8	Nhà máy Sữa Hà Nội	Sữa đặc có đường, sữa tươi tiệt trùng, sữa chua, kem, bánh flan	Xã Dương Xá, Gia Lâm, Tp. Hà Nội ĐT: (84.4) 827 6418
9	Xí Nghiệp Kho vận	Vận chuyển, giao nhận	32 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, TP HCM ĐT: (84.8) 896 6673
10	Chi nhánh Hà Nội		Địa chỉ: 191 Bà Triệu, Toà nhà VINCOM B, Hà Nội Tel: (84.4) 9742 520 – 9742 512 Fax: (84.4) 9742 521
11	Chi nhánh Đà Nẵng		Địa chỉ: 175 Triệu Nữ Vương, TP Đà Nẵng Tel: (84.511) 897 222 Fax: (84.511) 897 223
12	Chi nhánh Cần Thơ		Địa chỉ: 86D Hùng Vương, Q Ninh Kiều, TP Cần Thơ Tel: (84.71) 827 340 Fax: (84.71) 827 334



III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc



Bà Mai Kiều Liên

- Bà Mai Kiều Liên

Sinh năm 1953 tại Paris, Pháp, được bổ nhiệm vào chức vụ phó giám đốc kỹ thuật nhà máy sữa Thống Nhất vào năm 1982. Năm 1984, bà được bổ nhiệm vào chức vụ phó Tổng giám đốc Công ty Sữa Việt Nam (Vinamilk) sau thời gian đi học quản lý kinh tế tại Liên Xô (nước Nga ngày nay). Tháng 12 năm 1992, Bà được đề bạt lên vị trí Tổng Giám đốc Công ty Sữa Việt Nam. Tháng 11 năm 2003, sau đại hội cổ đông lần đầu tiên của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, Bà được bầu vào vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị và sau đó được bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Bà đã có quá trình làm việc tại Vinamilk 30 năm, đồng thời giữ nhiều chức vụ quan trọng ở các công ty liên doanh: Chủ tịch hội đồng quản trị liên doanh Campina, thành viên hội đồng quản trị Công ty Bao bì Dầu Thực vật (V-Pack)



2. Các Thành Viên Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc

Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1955 tại Quảng Ngãi, tham gia vào Vinamilk tháng 7/1983 thành viên HĐQT từ tháng 11/2003. Bà từng giữ vị trí cán bộ giảng dạy – trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh. Bà giữ chức Phó giám đốc và sau đó là Giám đốc nhà máy sữa Trường Thọ trong thời gian từ năm 1991 tới năm 1999. Bà được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc từ tháng 12 năm 1999 đến nay. Bà được bầu là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam vào tháng 11 năm 2003.



Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa

Bà Nguyễn Thị Như Hằng – Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1959 tại Hà Nội, tham gia vào Vinamilk tháng 9/1981 thành viên HĐQT từ tháng 11/2003, được đào tạo chuyên ngành kinh tế. Bà giữ chức Phó phòng Tiêu thụ Công ty Sữa Việt Nam trong thời gian từ năm 1981 tới 2001. Tháng 8 năm 2001, Bà được đề bạt lên vị trí Giám đốc Xi nghiệp Kho Vận. Tháng 1 năm 2003, Bà được đề bạt lên vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty Sữa Việt Nam. Bà được bầu vào Hội đồng Quản trị tháng 11 năm 2003.



Bà Nguyễn Thị Như Hằng

Bà Ngô Thị Thu Trang – Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1963 tại Gia Định, tham gia vào Vinamilk năm 1985 thành viên HĐQT từ tháng 11/2003, được bổ nhiệm vào vị trí phó phòng Kế toán Thống kê năm 1995 và sau đó là kế toán trưởng Vinamilk năm 1997. Bà đã tốt nghiệp cử nhân tài chính kế toán và thạc sĩ quản trị kinh doanh. Được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty Sữa Việt Nam vào tháng 2 năm 2005 đến nay. Bà được bầu là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam vào tháng 11 năm 2003. Ngoài ra, bà đang là thành viên hội đồng quản trị của Công ty Bao bì Dầu Thực vật (V-Pack), Công ty liên doanh Campina và là thành viên Ban đại diện quỹ VFL.



Bà Ngô Thị Thu Trang



Ông Phan Chí Dũng – Thành viên Hội đồng Quản trị
Sinh năm 1957 tại Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Giữ vị trí cán bộ tại Vụ tài chính kế toán trong thời gian từ năm 1982 tới 1995. Được bổ nhiệm vào vị trí Vụ phó Vụ Tài chính Kế toán thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ (nay là Bộ Công nghiệp). Thời gian từ tháng 10 năm 1995 tới tháng 6 năm 2003, Ông giữ chức kế toán trưởng Tổng công ty Dệt May Việt Nam. Từ tháng 7 năm 2003 được bổ nhiệm vào vị trí Vụ trưởng vụ Công nghiệp Tiêu dùng và Thực phẩm. Ông được bầu là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam vào tháng 11 năm 2003.



Ông Phan Chí Dũng

Ông Dominic Scriven – Thành viên Hội đồng Quản trị
Sinh năm 1963 tại Luân đôn, Anh. Ông hiện nay là đại diện cho công ty Amersham Industries Ltd và Vietnam Enterprise Investment Ltd. nắm giữ 10.095.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, thời điểm 6/01/2006). Hiện nay Ông đang giữ các chức vụ: Giám đốc điều hành Công ty Dragon Capital Group Ltd, Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT Ngân hàng TMCP Dành cho các doanh nghiệp ngoài Quốc Doanh (VPB), Thành viên HĐQT Công ty đồ hộp Hạ Long, Thành viên HĐQT Công ty liên doanh PDD, Thành viên HĐQT Công ty cơ điện lạnh REE, Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Vận tải biển Thái Bình Dương. Ông được bầu vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam vào tháng 3 năm 2005.



Ông Dominic Scriven

Ông Huang Hong Peng – Thành viên Hội đồng Quản trị

Sinh năm 1959 tại Singapore, Ông hiện là đại diện cho Công ty Food & Beverage nắm giữ 17.668.330 cổ phần của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, thời điểm 6/01/2006). Ông hiện đang giữ chức vụ Giám đốc điều hành Công ty Food & Beverage thuộc tập đoàn Fraser & Neave. Ông được bầu vào Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam vào tháng 3 năm 2005.



Ông Huang Hong Peng



Ông Nguyễn Việt Cường – Trưởng Ban kiểm soát

Sinh năm 1976, tại Hải Phòng, Ông Cường được bầu vào vị trí trưởng Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam vào tháng 3 năm 2005. Ông là đại diện công ty Asia Value Investment Ltd nắm giữ 308.650 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, thời điểm 6/01/2006). Ông hiện giữ chức Trưởng phòng đầu tư, Công ty VinaCapital Investment Management Ltd.

Ông Nguyễn Việt Hà – Thành viên Ban kiểm soát

Sinh năm 1976 tại Hà Nội, Ông được bầu vào vị trí thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam vào tháng 3 năm 2005. Ông là đại diện Công ty tài chính Indochina Capital nắm giữ 753.430 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, thời điểm 6/01/2006). Ông hiện giữ chức Phó chủ tịch, Giám đốc đầu tư Công ty tài chính Indochina Capital.

Ông Seow Han Yong – Thành viên Ban Kiểm soát

Sinh năm 1973 tại Singapore, Ông được bầu vào vị trí thành viên Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam vào tháng 3 năm 2005. Ông đại diện Công ty Arisaig Partners (Asia) Pte. Ltd nắm giữ 3.906.960 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, thời điểm 6/01/2006). Ông hiện giữ chức Giám đốc Công ty Arisaig Partners (Asia) Pte. Ltd.



IV. CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ RA BÊN NGOÀI

1. Liên doanh sản xuất và kinh doanh sản phẩm sữa:

Hợp tác với Công ty Campina Holding B.V. (Hà Lan) thành lập Công ty liên doanh Campina với mục tiêu sản xuất và phân phối các sản phẩm sữa tại thị trường Việt Nam và xuất khẩu.

Tên công ty:	Công ty Liên doanh Campina
Địa chỉ:	Tầng 8, toà nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, P15, Q Bình Thạnh, TPHCM
Điện thoại:	(84 8) 518 08 33
Vốn điều lệ:	1.350.000 USD
Giấy CNDKKD số:	803/GP-HCM do chủ tịch UBNDTPHCM cấp ngày 28/02/2005
Ngành nghề kinh doanh:	Sản xuất và phân phối các sản phẩm sữa tại Việt Nam và xuất khẩu
Tỷ lệ vốn góp của Vinamilk:	50%

2. Liên doanh sản xuất bia

Tham gia với Công ty SAB Miller Asia B.V. (Hà Lan) thành lập công ty liên doanh sản xuất bia. Dự án này đã được Văn phòng Chính phủ chấp thuận về chủ trương thực hiện theo công văn số 60/VPCP-QHQT ngày 05 tháng 01 năm 2006. Dự kiến nhà máy hoàn thành quá trình xây dựng vào cuối năm 2006 và bắt đầu cung cấp sản phẩm ra thị trường vào đầu năm 2007.

Tên công ty:	Công ty Liên doanh SABMiller Việt Nam
Địa chỉ:	Khu công nghiệp Mỹ Phước, tỉnh Bình Dương
Vốn đầu tư:	45 triệu đô-la Mỹ
Ngành nghề kinh doanh:	Sản xuất và phân phối bia tại Việt Nam và xuất khẩu
Tỷ lệ vốn góp của Vinamilk:	50%





VINAMILK

3. Đầu tư vào Quỹ đầu tư VFI

Tham gia đầu tư vào Quỹ đầu tư VFI của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VietFund) với tỷ lệ chứng chỉ quỹ sở hữu chiếm 6,8% vốn điều lệ của quỹ. Quỹ đầu tư VFI là loại hình quỹ đầu tư dạng đóng lần đầu tiên được cho phép thực hiện tại Việt Nam. Quỹ sử dụng nguồn vốn góp của cổ đông sáng lập để hoạt động đầu tư chứng khoán tại Việt Nam và bước đầu đã có những kết quả đáng khích lệ. Sau đây là một vài thông tin chính về quỹ và kết quả hoạt động trong năm 2005.

Quỹ đầu tư VFI

Ngày hoạt động:	20/05/2004
Mệnh giá 1 chứng chỉ quỹ VFI:	10.000đ/chứng chỉ
Giá phát hành của 1 chứng chỉ quỹ VFI:	10.300đ / chứng chỉ
Tổng số đơn vị quỹ VFI được phát hành:	30.000.000
Vốn điều lệ quỹ VFI:	300.000.000.000đồng
Tỷ lệ sở hữu của Vinamilk:	6,8%
Niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam:	Ngày 22/09/2004.

4. Dự án HORIZON Apartment

Dự án hợp tác kinh doanh Horizon Apartment là dự án hợp tác với Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 01 (FICO) và Công ty Cổ phần Tài trợ Địa ốc R.C ("Refico"). Tổng vốn đầu tư cho dự án là 285 tỷ đồng, Vinamilk góp 24,5%. Mục tiêu của dự án là nhằm xây dựng, quản lý, tiếp thị và điều hành căn hộ Horizon Tower với quy mô dự kiến trên 270 căn hộ. Dự án hiện đang trong quá trình thực hiện.

Dự án Cao ốc Horizon

Tổng vốn đầu tư:	285 tỷ đồng
Địa điểm:	214 Trần Quang Khải, Q1, TP. Hồ Chí Minh
Tổng số căn hộ:	277 căn hộ, khu thương mại, bể bơi, phòng thể thao;
Tỷ lệ vốn góp:	Vinamilk góp 24,5% theo hợp đồng hợp tác đầu tư số: TQK-01-04 ngày 07 tháng 06 năm 2004.
Dự kiến hoàn thành:	Tháng 09 năm 2007



VINAMILK

5. Đầu tư vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình

Công ty hiện sở hữu 12,12% cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình. Ngân hàng An Bình hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, cung cấp dịch vụ ngân hàng cho mọi thành phần kinh tế. Thông tin chính về Ngân hàng được trình bày dưới đây:

Tên ngân hàng:	Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình
Địa chỉ:	Số 47 đường Điện Biên Phủ, Quận 01, thành phố Hồ Chí Minh
Lĩnh vực kinh doanh:	Kinh doanh tiền tệ, tín dụng và cung cấp các dịch vụ ngân hàng đối với các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân thuộc các thành phần kinh tế trong mọi lĩnh vực.
Vốn cổ phần:	165 tỷ đồng
Tỷ lệ cổ phần Vinamilk sở hữu:	12,12%
Thời gian hoạt động:	20 năm kể từ khi thành lập ngày 15 tháng 04 năm 1993.

6. Đầu tư vào cổ phiếu Công ty V-PACK

Công ty sở hữu 9 tỷ đồng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu Thực vật (V-PACK) chiếm tỷ lệ 19,83 % vốn chủ sở hữu. Công ty V-PACK chuyên đầu tư sản xuất bao bì, mua bán bao bì cho ngành thực phẩm; mua bán máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu ngành bao bì và cung cấp dịch vụ thương mại.

Tên công ty:	Công ty Cổ phần Bao bì Dầu Thực vật (V-Pack)
Địa chỉ:	Lô 6-12 khu F, Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Lĩnh vực kinh doanh:	Sản xuất bao bì cho ngành thực phẩm; mua bán máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu ngành bao bì; dịch vụ thương mại.
Vốn cổ phần:	Đăng ký 76 tỷ đồng, thực góp tới cuối năm 2005 là 45,376 tỷ đồng.
Giấy CN đăng ký kinh doanh số:	4103001186 ngày 9/9/2002
Thời gian hoạt động:	50 năm kể từ ngày nhận Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh (năm 2002)
Tỷ lệ cổ phiếu Vinamilk sở hữu:	19,83%



VINAMILK

7. Dự án Nhà máy Sữa Tuyên Quang

Để tăng cường năng lực sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng, Công ty hợp tác với Công ty cổ phần Bò sữa Tuyên Quang thành lập công ty TNHH hai thành viên có tên giao dịch là "Công ty TNHH Sữa Tuyên Quang". Công ty TNHH có trụ sở chính tại huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian hoàn thành quá trình xây dựng và bắt đầu sản xuất dự tính vào cuối năm 2007.

Tên công ty:	Công ty TNHH Sữa Tuyên Quang
Vốn pháp định:	50 tỷ đồng
Địa điểm:	Cụm các khu Công nghiệp Dịch vụ - Đô thị Long Bình An, xã Đội Cấn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.
Ngành nghề kinh doanh:	Sản xuất và kinh doanh sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác; sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành và nước giải khát
Giấy CNDKKD số:	1502 000 251 ngày 24/08/2005
Thời gian dự kiến hoạt động:	Cuối năm 2007
Tỷ lệ góp vốn của Vinamilk:	70%



VINAMILK

V. HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG

Mang lại lợi ích cho cộng đồng, cùng với cộng đồng san sẻ những khó khăn luôn giữ vai trò quan trọng trong phương châm hoạt động của Công ty. Toàn thể nhân viên Vinamilk đã thể hiện sự quan tâm hướng tới cộng đồng, xã hội bằng những hoạt động thiết thực và cụ thể. Tổng kinh phí của tập thể và cá nhân vận động được qua các phong trào là 18 tỷ đồng, trong đó riêng hai năm 2003-2004 là 7,9 tỷ đồng. Phụng dưỡng suốt đời 20 mẹ Việt Nam anh hùng các miền của đất nước, xây 72 căn nhà tình nghĩa, 120 nhà tình thương, đóng góp cho các quỹ Đền ơn đáp nghĩa, quỹ Xoa dịu giảm nghèo, xây dựng khu di tích Bến Dược (Củ Chi), học bổng cho con em liệt sỹ; Cứu trợ nạn nhân bị sóng thần; đóng góp giúp đỡ bộ đội Trường Sa, chương trình chống suy dinh dưỡng trẻ em trên toàn quốc, quỹ Vì người nghèo, quỹ Tài năng trẻ; xây dựng Trung tâm cứu trợ trẻ em tàn tật tại tỉnh Nam Định, quỹ Nạn nhân chất độc da cam, ủng hộ đồng bào bị bão lụt, cứu trợ nạn nhân mỏ than Mạo Khê (tỉnh Quảng Ninh), đóng góp tiền xây dựng cầu vượt sông cho các em học sinh đi học tại Quảng Nam, hỗ trợ tiền phẫu thuật hở môi, hàm ếch cho trẻ em dị tật...

Không chỉ góp phần xoa dịu những nỗi đau, giúp đỡ những người, cộng đồng đang trong hoàn cảnh khó khăn, Vinamilk còn tích cực mang tới cho cộng đồng niềm vui, và những kiến thức xã hội có ích trong cuộc sống. Thông qua chương trình trò chơi truyền hình, trò chơi cộng đồng, tài trợ cho các hoạt động mang lại lợi ích cho cộng đồng, Vinamilk đã trở nên gần gũi, thân thiết hơn không chỉ với các em thiếu nhi mà còn với mọi người dân Việt Nam. Các chương trình hướng tới thiếu nhi được nhiều người biết đến có thể kể đến như chương trình học bổng "Vinamilk ước mơ tài năng trẻ Việt Nam" dành cho các em học sinh tiểu học có thành tích xuất sắc, có hoàn cảnh khó khăn nhưng phấn đấu vươn lên trong học tập, chương trình dành cho các cháu thiếu nhi ngày 1/6, lễ hội trung thu phát quà cho các em học sinh, chương trình trò chơi truyền hình "Vui cùng Hugo", cúp bóng đá nhi đồng mang tên "Cúp Vinamilk". Chương trình nhằm giúp đỡ những gia đình có hoàn cảnh khó khăn như "Vượt lên chính mình", hay cung cấp kiến thức xã hội có ích như chương trình "Chuyện không của riêng ai", chương trình "Bản tin Dự báo thời tiết".v.v. Để mang lại niềm vui cho cuộc sống Vinamilk tài trợ cho các chương trình trò chơi truyền hình như "Hãy chọn giá đúng", "Tam sao thất bản" hay chương trình "Phim Việt cuối tuần". Với chiến lược tiếp cận khách hàng thường xuyên và thân thiện hơn, Vinamilk đang và sẽ có thêm nhiều chương trình hướng tới cộng đồng, mang lại nhiều lợi ích hơn cho cộng đồng trong tương lai.



VINAMILK


HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG



VI. SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG CỦA CÔNG TY:

"Luôn thỏa mãn khách hàng bằng những sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, ngày càng đa dạng và dịch vụ tốt nhất với giá cả cạnh tranh hợp lý."

Sữa Đặc

Đây là nhóm sản phẩm truyền thống của Vinamilk với các nhãn hiệu như: Ông Thọ, Ngôi Sao Phương Nam, sữa đặc chocolate, sữa đặc cà phê Moka, .v.v

Sữa đặc được chia thành hai dạng: sữa hộp và sữa vỉ 50g để thuận tiện cho người tiêu dùng.



Sữa Bột & Bột Dinh Dưỡng

Sữa bột và bột dinh dưỡng là một trong những nhóm sản phẩm chính và luôn đóng góp nhiều nhất vào kết quả kinh doanh. Doanh thu tiêu thụ nội địa của nhóm "Sữa bột và bột dinh dưỡng" vẫn duy trì một mức tăng trưởng cao. Doanh thu tăng 15,67%.



Sữa Tươi

Sữa tươi tiệt trùng của Vinamilk được sản xuất từ sữa bò tươi nguyên chất, được xử lý bằng phương pháp tiệt trùng UHT và không sử dụng chất bảo quản.

Nhãn hiệu: sữa tươi tiệt trùng Vinamilk, Milk, Smart, Flex



Sữa Đậu Nành

Sữa đậu nành được chiết xuất từ đậu nành chọn lọc nên không có cholesterol, được đóng trong bao bì hộp, bịch giấy. Nhãn hiệu: Soya

Nước Ép

Nước trái cây Fresh của Vinamilk có hàm lượng vitamin cao với các hương vị như Cam, Đào, Táo, Ổi, Mãng cầu, Nho, Bưởi, Dứa, Cam, Đào, Cà rốt...



Trà Hoà Tan Cool-tea

Trà Cooltea với các hương vị trái cây tự nhiên: chanh, đào, dưa gang, me. Cooltea được đóng gói 20g phù hợp với 1 lần uống.



Sữa Chua Uống

Sữa chua uống tiệt trùng được chế biến từ sữa bò tươi nguyên chất, được bổ sung thêm canxi, vitamin C hoặc chất xơ hòa tan chiết xuất từ thực vật nhằm hỗ trợ hệ tiêu hóa hoạt động tốt hơn.

Nhãn hiệu: Yomilk, YaO



Sữa Chua

Sữa chua Vinamilk được làm từ men vi sinh sống, có lợi cho ruột giúp hỗ trợ hệ tiêu hóa. Sữa chua Vinamilk được chia làm các nhóm sản phẩm sữa chua truyền thống, sữa chua bổ sung thêm canxi, chất xơ và ít béo, và sữa chua kefir không đường với men kefir. Nhãn hiệu: sữa chua Vinamilk, Vinamilk Plus, Kefir



Café

Bao gồm cà phê rang xay và cà phê hòa tan. Nhãn hiệu: Moment, Kolac



Bánh quy

Bánh quy dinh dưỡng Vinamilk được sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế về dinh dưỡng, được nghiên cứu, phát triển dưới sự giám sát của Trung tâm Nghiên Cứu Phát Triển Sản phẩm Vinamilk

Nước tinh khiết ICY

Nước uống đóng chai ICY được đóng trong chai PET từ nguồn nước ngầm được xử lý đặc biệt, sản xuất theo công nghệ thẩm thấu ngược, khử trùng bằng Ozon & Tia cực tím trả lại vị ngọt của nước.

ICY

SOURCE OF WELLNESS

28

Fromage

Phô mai Bò Đeo Nơ được chế biến trên dây chuyền của Pháp, với hai loại: phô mai hộp 140 gram và phô mai vôi.



TRIẾT LÝ KINH DOANH

Vinamilk mong muốn trở thành sản phẩm được yêu thích nhất ở mọi khu vực, lãnh thổ. Vì thế chúng tôi tâm niệm rằng chất lượng và sáng tạo là người bạn đồng hành của Vinamilk.

Vinamilk xem khách hàng là trung tâm và cam kết đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

Kem

Kem Vinamilk bao gồm kem sữa tươi đóng gói trong bao bì hộp 1 lít, 450ml dành cho gia đình, kem ly và kem cây mang nhãn hiệu Dino dành cho thiếu nhi. Nhóm này đã có mức tăng trưởng rất cao.



29

CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ



CHẤT LƯỢNG VINAMILK

 **VINAMILK**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2005

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC****VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH****CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2005****N**ội Dung

	TRANG
Báo cáo của Ban Giám đốc	33 - 36
Báo cáo của Kiểm toán viên	37
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	38 - 41
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	42
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	43 - 44
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	45 - 68

VINAMILK**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc đệ trình báo cáo của họ cùng với báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty") đã được kiểm toán cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm có:

Hội đồng Quản trị:

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Như Hằng	Thành viên
Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên
Ông Phan Chí Dũng	Thành viên
Ông Dominic Scriven	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2005)
Ông Huang Hong Peng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2005)

Ban Giám đốc:

Bà Mai Kiều Liên	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Như Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2005)

HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY**Hoạt động chủ yếu của Công ty là:**

- Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, sữa tươi, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất, nguyên liệu;
- Kinh doanh nhà, môi giới, cho thuê bất động sản;
- Kinh doanh kho, bến bãi, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phín-hòa tan;
- Sản xuất và mua bán bao bì, in trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa; và
- Phòng khám đa khoa.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 được nêu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B 02 - DN).



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

Sự nổi bật trong kết quả kinh doanh là mức tăng trưởng doanh thu nội địa của công ty luôn đạt trên mức 12% mỗi năm và tỷ suất lợi nhuận ròng luôn trên mức 10%. Bên cạnh đó một số chỉ tiêu quan trọng khác cũng có kết quả khả quan. Thu nhập trên cổ phiếu (EPS) năm 2005 tăng hơn 30,9% so với năm 2004 (là năm tài chính tiến hành cổ phần hóa) và đạt mức tăng hơn 8.900 đồng/cổ phiếu; tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu tăng 2,5% so với năm 2004 và đạt mức 29,54%; tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (thể hiện khả năng sinh lời của tài sản) cũng tăng 4,2% và đạt 22% trong năm 2005.

Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) tăng hơn 30,9% và đạt mức 38.002 đồng/cổ phiếu so với năm trước là do kết quả của sự tăng trưởng vượt bậc chỉ tiêu doanh thu. Chỉ tiêu doanh thu nội địa năm 2005 tăng 31,7% và xuất khẩu tăng 1,56 lần so với năm 2004.

Chỉ tiêu doanh thu tiêu thụ nội địa luôn đạt được mức tăng trưởng trên 12% mỗi năm từ năm 2001 tới nay (2005: 35%, 2004: 30%, 2003: 16%, 2002: 17%, 2001: 13%). Doanh thu nội địa tăng trưởng mạnh từ năm 2004 tới nay là kết quả của chính sách hướng tới thị trường nội địa và việc thay đổi phương pháp tiếp cận khách hàng. Phương pháp tiếp cận mới cho phép Công ty trở nên gần gũi hơn với người tiêu dùng, trở nên chuyên nghiệp và hiệu quả hơn trong phương pháp phục vụ. Nhờ những thay đổi này, doanh thu nội địa năm 2005 tăng 32% so với năm 2004, tăng 65% so với 2003, gấp đôi so với mức 2.154 tỷ năm 2002 và gấp 2.25 lần so với mức 1.840 tỷ năm 2001.

Thị trường xuất khẩu của công ty hiện tại vẫn là thị trường Iraq. Do đặc điểm không ổn định của thị trường này nên mức tăng trưởng qua các năm không ổn định và chưa đạt được như mong đợi (2005: 172%, 2004: -41%, 2003: -66%, 2002: 23%, 2001: 111%). Sau thời gian bất ổn do chiến tranh, công ty trở lại thị trường này với những hợp đồng ký với chính phủ lâm thời Iraq. Với nhiều hợp đồng mới được ký từ cuối năm 2004, doanh thu xuất khẩu sữa bột 2005 đạt trên 1.300 tỷ đồng, tăng 1,56 lần so với năm trước nhưng vẫn còn thấp hơn mức trên 2.100 tỷ của những năm 2001 và 2002.

Năm 2005, lợi nhuận trước thuế tăng hơn 30% so với 2004 và đạt mức 603 tỷ đồng là do sự gia tăng doanh thu của các nhóm sản phẩm có tỷ trọng lớn trong cơ cấu sản phẩm như sữa đặc (tăng 21,7%), sữa tươi (46,8%), sữa chua (45,07%), sữa bột (20,65%) và nhóm Yomilk và YaO (16,95%).

CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

	2005	2004
I. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
I.1 Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	38,26	30,24
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	61,74	69,76
I.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	42,36	27,55
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	57,64	72,45



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

	2005	2004
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,52	2,65
2.2 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,32	0,77
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu (%)	10,69	12,87
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (%)	10,74	12,25
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân		
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân (%)	18,67	20,97
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (%)	18,76	19,96
3.3 Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu		
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	29,54	30,32
3.4 Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ		
- Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ (%)	38,08	32,98

TRIỂN VỌNG CỦA CÔNG TY

Để nâng cao thị phần nội địa, Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng 50% về doanh thu tiêu thụ nội địa và làm động lực chính để nâng tổng doanh thu lên 24% trong năm 2006. Cùng với việc giữ vững thị trường nội địa, công ty từng bước quay lại những thị trường xuất khẩu truyền thống. Do vậy, mục tiêu chính trong năm 2006 là tìm hiểu và đánh giá đối tác kinh doanh ở các thị trường này để làm cơ sở cho những bước phát triển cho các năm sau.

Mở rộng hoạt động kinh doanh sang các lĩnh vực tiềm năng khác nhằm đa dạng hóa hoạt động đầu tư, mang lại một sự phát triển mạnh mẽ và bền vững là mục tiêu của công ty trong năm 2006. Công ty đã quyết định tham gia vào hoạt động sản xuất và kinh doanh nước giải khát cao cấp (Bia và Cà phê hòa tan) và Dịch vụ chăm sóc sức khỏe (phòng khám đa khoa). Các dự án đã tiến hành đầu tư và sẽ đi vào hoạt động chính thức trong năm 2007.

KIỂM TOÁN VIÊN

Các báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam) kiểm toán.

**VINAMILK****TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh sự trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- _ chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- _ thực hiện các phân đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- _ soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Chúng tôi, Ban Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đã được thiết lập và duy trì một cách phù hợp để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở cho việc soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm qui định khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 38 đến trang 68. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc ở ngày đó phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc

Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2006

PRICEWATERHOUSECOOPERS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam được trình bày từ trang 38 đến trang 68 kèm theo. Các báo cáo tài chính này được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi.

Các báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2004 và cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2003 (ngày chuyển thành một công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2004 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán của họ phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2005 đưa ra ý kiến loại trừ về việc Công ty áp dụng Thông tư 128/2003/TT-BTC làm cơ sở ghi nhận doanh thu, đã làm doanh thu trong giai đoạn này tăng lên một khoản là 14.065 triệu đồng, và lợi nhuận sau thuế tăng lên một khoản là 3.562 triệu đồng.

Cơ sở nêu ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại nước CHXHCN Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính này không có các sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên nguyên tắc chọn mẫu, các bằng chứng chứng minh cho các số liệu và thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng mà Ban Giám đốc đã thực hiện cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam.

Ian S. Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Chữ ký được ủy quyền

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM1112
Ngày 15 tháng 3 năm 2006

Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Như đã nêu trong thuyết minh 21 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005

Mẫu số B 01-DN

Mã Số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.406.477	1.783.316
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	500.312	515.695
111	Tiền		130.312	73.345
112	Các khoản tương đương tiền		370.000	442.350
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4 (a)	22.800	292.168
121	Đầu tư ngắn hạn		22.800	292.168
130	Các khoản phải thu		748.600	178.449
131	Phải thu của khách hàng		382.596	85.310
132	Trả trước cho người bán		76.804	63.289
138	Các khoản phải thu khác	5	291.564	33.887
139	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(2.364)	(4.037)
140	Hàng tồn kho		1.081.501	778.299
141	Hàng tồn kho	6	1.081.501	778.299
150	Tài sản ngắn hạn khác		53.264	18.705
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		26.764	16.991
152	Các khoản thuế phải thu	7	26.500	1.714
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.491.459	773.106
210	Các khoản phải thu dài hạn		4.018	4.242
213	Phải thu dài hạn khác		4.018	4.242
220	Tài sản cố định		757.373	558.257
221	Tài sản cố định hữu hình	8 (a)	558.790	410.906
222	Nguyên giá		1.285.280	1.040.447
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(726.490)	(629.541)
227	Tài sản cố định vô hình	8 (b)	9.264	8.344
228	Nguyên giá		21.003	19.992
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.739)	(11.648)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8 (c)	189.319	139.007

Các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 45 đến trang 68 là một phần không thể tách rời của các báo cáo tài chính này



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN

Mã Số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		609.960	180.971
251	Đầu tư vào công ty con	25	-	15.261
252	Đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh	4 (b)	15.605	33.400
258	Đầu tư dài hạn khác	4 (c)	594.355	132.310
260	Tài sản dài hạn khác		120.108	29.636
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	117.224	29.636
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14	2.884	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.897.936	2.556.422

Các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 45 đến trang 68 là một phần không thể tách rời của các báo cáo tài chính này



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN

Mã Số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.651.018	704.176
310	Nợ ngắn hạn		1.581.146	672.911
311	Vay và nợ ngắn hạn	10 (a)	12.263	13.282
312	Phải trả cho người bán		260.885	195.085
313	Người mua trả tiền trước		575	1.184
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	19.118	28.796
315	Phải trả công nhân viên		126.808	140.305
316	Chi phí phải trả	11	125.158	99.633
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	12	1.036.339	194.626
320	Nợ dài hạn		69.872	31.265
321	Phải trả cho người bán dài hạn		59.462	11.265
324	Vay và nợ dài hạn	10 (b)	10.410	20.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.246.918	1.852.246
410	Vốn chủ sở hữu		2.154.586	1.814.960
411	Vốn góp của chủ sở hữu	15	1.590.000	1.569.237
412	Thặng dư vốn cổ phần	16	54.217	9.990
416	Quỹ đầu tư phát triển	16	113.263	52.715
417	Quỹ dự phòng tài chính	16	56.632	26.358
419	Lợi nhuận chưa phân phối	16	340.474	156.660
420	Nguồn kinh phí và quỹ khác	16	92.332	37.286
421	Quỹ phúc lợi, khen thưởng		92.206	36.985
422	Nguồn kinh phí sự nghiệp		126	301
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.897.936	2.556.422



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN

	2005	2004
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (triệu đồng)	4.656	11.066
Ngại tệ các loại:		
USD	1.857.901	13.659
EUR	984	58
AUD	481	-

Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng



Mai Kiều Liên
Tổng Giám Đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2006



VINAMILK

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Mẫu số B 02-DN

Mã Số	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 1.12.2003 đến ngày 31.12.2004	
		2005 Triệu đồng	Triệu đồng
01	Doanh thu	5.659.290	4.226.843
03	Các khoản giảm trừ	(20.506)	-
10	Doanh thu thuần	18 (a) 5.638.784	4.226.843
11	Giá vốn hàng bán	19 (4.379.796)	(3.166.393)
20	Lợi nhuận gộp	1.258.988	1.060.450
21	Doanh thu hoạt động tài chính	18 (b) 55.373	69.253
22	Chi phí tài chính	20 (19.988)	(51.861)
24	Chi phí bán hàng	(654.102)	(446.371)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21 (80.438)	(99.624)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	559.833	531.847
40	Thu nhập khác	22 42.767	12.234
50	Lợi nhuận kế toán trước thuế	602.600	544.081
51	Thuế thu nhập doanh nghiệp	23 2.884	(26.410)
60	Lợi nhuận sau thuế	605.484	517.671

Lê Thành Liêm
Kế toán trưởngMai Kiều Liên
Tổng Giám Đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2006

VINAMILK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN

Mã Số	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 1.12.2003 đến ngày 31.12.2004	
		2005 Triệu đồng	Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	602.600	544.081
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	77.636	88.701
03	Các khoản dự phòng	(1.673)	4.037
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.191	227
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(51.263)	(55.204)
06	Chi phí lãi vay	10.030	8.324
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	638.521	590.166
09	(Tăng)/ giảm các khoản phải thu	(336.168)	294.533
10	Tăng hàng tồn kho	(287.452)	(180.571)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	650.594	(475.093)
12	Tăng/(giảm) các chi phí trả trước	(62.451)	16.907
13	Tiền lãi vay đã trả	(9.999)	(8.324)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(99.411)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	5.092	2.117
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(24.482)	(14.124)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	573.655	126.200
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(242.088)	(172.545)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	1.798	24
23	Tiền chi cho vay, đầu tư chứng khoán nợ của đơn vị khác	(525.154)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán chứng khoán nợ	339.931	-
25	Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác	(32.028)	(242.369)
26	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào đơn vị khác	14.047	-
27	Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	56.905	53.918
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(386.589)	(360.972)



VINAMILK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆCho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005
(Theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Mẫu số B 03 - DN

Mã Số	Thuyết minh	2005 Triệu đồng	Giải đoạn từ ngày 1.12.2003 đến ngày 31.12.2004 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	64.990	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	567.384	200.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(585.954)	(244.145)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông	(247.678)	(51.140)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(201.258)	(95.285)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(14.192)	(330.057)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	515.695
	Tiền và tương đương tiền từ việc sáp nhập doanh nghiệp	-	1.391
61	Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái	(1.191)	(136)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	515.695

Lê Thành Liêm
Kế toán trưởngMai Kiều Liên
Tổng Giám Đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2006

VINAMILK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Mẫu số B 09 - DN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty cổ phần Sữa Việt Nam ("công ty" hoặc "Vinamilk") được thành lập ban đầu theo Quyết định 420/CNN/TCLĐ ban hành ngày 29 tháng 4 năm 1993 dưới loại hình Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp. Vào ngày 1 tháng 10 năm 2003, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp ban hành. Vào ngày 20 tháng 11 năm 2003, Công ty đăng ký thành một công ty cổ phần hoạt động theo luật Doanh nghiệp Việt Nam, theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Vào ngày 19 tháng 1 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPNY do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2005.

Trụ sở chính của công ty đặt tại 36 - 38 Ngô Đức Kế, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và văn phòng giao dịch đặt tại 184 - 188 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, công ty có các chi nhánh và nhà máy như sau:

Vinamilk chi nhánh Hà Nội	191 Bà Triệu, Hà Nội
Vinamilk chi nhánh Đà Nẵng	175 Triệu Nữ Vương, Đà Nẵng
Vinamilk chi nhánh Cần Thơ	86D Thới Bình, Cần Thơ
Nhà máy Sữa Thống Nhất	12 Đặng Văn Bi, quận Thủ Đức, TP.HCM
Nhà máy Sữa Trường Thọ	32 Đặng Văn Bi, quận Thủ Đức, TP.HCM
Nhà máy Sữa Dielac	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Đồng Nai
Nhà máy Sữa Hà Nội	Phường Dương Xá, quận Gia Lâm, Hà Nội
Nhà máy Sữa Cần Thơ	Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ
Nhà máy Sữa Sài Gòn	Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, TP.HCM
Nhà máy Sữa Nghệ An	Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, Cửa Lò
Nhà máy Sữa Bình Định	Kv1, Quang Trung, Quy Nhơn
Xí nghiệp Kho Vện	32 Đặng Văn Bi, quận Thủ Đức, TP.HCM
Phòng khám đa khoa An Khang	87A Cách Mạng Tháng Tám, TP.HCM

1.2 Lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động chủ yếu của công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, sữa tươi, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư hóa chất, nguyên liệu;
- Kinh doanh nhà, môi giới, cho thuê bất động sản;
- Kinh doanh kho, bến bãi, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô và bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan;
- Sản xuất và mua bán bao bì, in trên bao bì;
- Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa;
- Phòng khám đa khoa



Mẫu số B 09 - DN

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 Cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa theo quy ước giá gốc.

Lưu ý: các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác. Trong năm 2005, Công ty áp dụng lần đầu tiên các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam sau đây:

Chuẩn mực 17: Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chuẩn mực 21: Trình bày báo cáo tài chính

Chuẩn mực 23: Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Chuẩn mực 28: Báo cáo bộ phận kinh doanh

Chuẩn mực 29: Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót

Việc áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 17 đưa đến việc ghi nhận lần đầu tiên tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Ảnh hưởng đối với bảng cân đối kế toán của công ty là như sau:

	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
Tăng tài sản dài hạn khác	2.884	-
Tăng vốn và các quỹ	2.884	-

Ảnh hưởng đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là như sau:

	2005 Triệu đồng	Giai đoạn từ ngày 1.12.2003 đến ngày 31.12.2004 Triệu đồng
Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp	2.884	-

Ảnh hưởng của việc áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2003 đến ngày 31 tháng 12 năm 2004 và bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2004 là không đáng kể. Cho nên tất cả các ảnh hưởng đến thuế thu nhập doanh nghiệp trong giai đoạn này đều được đưa vào số thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2005.



Mẫu số B 09 - DN

2.2 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các báo cáo tài chính được thể hiện bằng Triệu đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá liên ngân hàng áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Nguồn vốn

Vốn chủ sở hữu bao gồm các cổ phần được phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần được trừ vào số tiền thu được do bán cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của chính Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, được trừ vào vốn chủ sở hữu đến khi các cổ phiếu quỹ được hủy bỏ hoặc được tái phát hành. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị của hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét tất cả các khoản còn chưa thu được tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.8 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định theo cơ sở bình quân gia truyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể được bán trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí hoàn tất và chi phí bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết.

2.9 Các khoản đầu tư**(a) Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán.

(b) Đầu tư vào các công ty liên doanh và liên kết

Đầu tư vào các công ty liên doanh và liên kết được hạch toán theo giá gốc.

(c) Đầu tư dài hạn**(i) Tiền gửi dài hạn**

Tiền gửi dài hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tính từ ngày đầu tiên, và đáo hạn sau một năm tính từ ngày của bảng cân đối kế toán.

(ii) Đầu tư trái phiếu

Đầu tư trái phiếu được hạch toán theo giá gốc, với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày báo cáo tài chính.

(iii) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn là các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế niêm yết hoặc không niêm yết, được hạch toán theo giá gốc, với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của báo cáo tài chính.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Khấu hao**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

	Năm
Nhà và vật kiến trúc	10 - 50
Nhà xưởng và máy móc thiết bị	10
Xe cộ	10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Phần mềm	2 - 3

Công ty sở hữu quyền sử dụng đất vô thời hạn. Công ty ngừng trích khấu hao quyền sử dụng đất từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính.

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.11 Thuê tài sản cố định

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong khoảng thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao Động Việt Nam nhân viên của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động căn cứ vào khoảng thời gian làm việc cho Công ty tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Công ty đang trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc căn cứ vào Nghị định số 39/2003ND-CP ngày 18 tháng 4 năm 2003 của Chính Phủ và theo hướng dẫn của Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính, với mức trích lập hàng năm bằng 3% của quỹ tiền lương làm cơ sở tính bảo hiểm xã hội.

**2.14 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty đã chuyển giao phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

(b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền cung cấp dịch vụ.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trên cơ sở trích trước, sử dụng lãi suất thực tế của từng giai đoạn.

(d) Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận trong kỳ kế toán khi bên được đầu tư công bố chia cổ tức.

2.15 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự khác biệt tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Tuy nhiên, thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực mà việc sử dụng những chênh lệch tạm thời vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai là khả thi.

Lỗ của những năm trước chuyển sang được ghi nhận vào tài sản thuế thu nhập hoãn lại tới chừng mực mà lợi nhuận tính thuế trong tương lai là khả thi.

**2.16 Chia cổ tức**

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập cho các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của luật pháp Việt Nam.

Cổ tức giữa kỳ được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước lượng đạt được. Số cổ tức cuối kỳ được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông trong Đại hội thường niên.

2.17 Phương pháp trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập dựa theo Điều lệ của Công ty như sau:

Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ phúc lợi, khen thưởng	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế

2.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định về tài chính hay hoạt động kinh doanh.

2.19 Báo cáo bộ phận kinh doanh

Công ty xác định báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý, theo sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế trong các môi trường kinh doanh. Trong các giai đoạn báo cáo này, Công ty trình bày báo cáo bộ phận kinh doanh theo hai khu vực địa lý: thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
Tiền mặt	1.457	951
Tiền gửi ngân hàng	116.300	70.350
Tiền đang chuyển	12.555	2.044
Tiền gửi ngắn hạn	370.000	442.350
	500.312	515.695



Mẫu số B 09 - DN

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu dài hơn 3 tháng nhưng không quá 1 năm tính từ ngày của bảng cân đối kế toán.

(b) Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh và công ty liên kết

		2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
Công ty liên doanh Campina (i)		10.705	-
Dự án Horizon Apartment (ii)		4.900	13.400
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (iii)		-	20.000
		15.605	33.400

(i) Công ty liên doanh Campina (" Campina ")

Công ty liên doanh Campina sản xuất các sản phẩm từ sữa. Công ty sở hữu 50% phần vốn góp của liên doanh. Công ty hạch toán khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc, theo Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 8 " Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh ". Chuẩn mực này không ghi nhận phần sở hữu trong lợi nhuận hoặc lỗ từ liên doanh và cũng không ghi nhận sự giảm giá trị của khoản đầu tư vào liên doanh trong báo cáo tài chính của Công ty.

Trong năm, Campina có số lỗ thuần 26 tỉ đồng và Công ty cũng cam kết cung cấp một hạn mức vay ngắn hạn là 21 tỉ đồng cho Campina. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, số giải ngân là 13 tỉ đồng (Thuyết minh 5). Công ty cùng với bên đối tác, Campina International Holding B.V. cũng có kế hoạch cung cấp thêm vốn thông qua việc tăng vốn pháp định của Campina để liên doanh tiếp tục hoạt động trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trong năm 2006.

(ii) Dự án Horizon Apartment

Vào ngày 7 tháng 6 năm 2004, Công ty ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty vật liệu xây dựng số 1 (" FICO ") và Công ty cổ phần Tài trợ địa ốc R.C (" Refico ") cho việc xây dựng, quản lý, tiếp thị và điều hành dự án căn hộ Horizon Tower với tổng số vốn đầu tư là 285 tỉ đồng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty trong dự án này là 24,5%. Tiến độ góp vốn của Công ty trong dự án này thay đổi theo nhu cầu và tiến độ của dự án. Trong năm 2005, Công ty được hoàn trả 8,5 tỉ đồng phần tiền đã đặt cọc cho dự án.



Mẫu số B 09 - DN

(iii) Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ("Ngân hàng")

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2004, phần vốn của Công ty trong Ngân hàng chiếm 28,55% vốn điều lệ của Ngân hàng. Trong năm 2005, Ngân hàng tăng vốn điều lệ lên 165 tỉ đồng nhưng Công ty không góp thêm vốn. Do đó tỉ lệ phần vốn của Công ty trong Ngân hàng giảm còn 12,12% và khoản đầu tư này được phân loại lại thành các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (Thuyết minh 4 (c)).

(c) Các khoản đầu tư dài hạn khác

		2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
Tiền gửi dài hạn (i)		492.000	-
Trái phiếu (ii)		53.055	103.010
Các khoản đầu tư dài hạn khác (iii)		49.300	29.300
		594.355	132.310

(i) Tiền gửi dài hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ban đầu dài hơn 3 tháng và có ngày đáo hạn quá 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán.

(ii) Trái phiếu

Bao gồm Trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu Đô thị có thời hạn đáo hạn từ 3 đến 5 năm tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Lãi suất trái phiếu từ 8% đến 9,5% một năm

(iii) Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư vào vốn của các Công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và một quỹ đầu tư đã niêm yết trên thị trường chứng khoán. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.



Mẫu số B 09 - DN

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Thuyết minh	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
Tạm ứng	1.671	3.885
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	41.688	5
Phải thu từ công nhân viên	15	-
Cho Công ty liên doanh Campina vay	4 (b)	-
Phải thu khác	31.347	29.997
	291.564	33.887

6. HÀNG TỒN KHO

	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
Hàng mua đang đi trên đường	166.432	113.850
Nguyên vật liệu tồn kho	711.336	524.776
Công dụng, dụng cụ trong kho	714	65
Hàng hóa tồn kho	5.291	1.999
Thành phẩm tồn kho	197.728	137.609
	1.081.501	778.299

7. CÁC KHOẢN THUẾ PHẢI THU

	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
Thuế GTGT được khấu trừ	2.692	1.714
Thuế nộp thừa	23.808	-
	26.500	1.714



Mẫu số B 09 - DN

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà và vật kiến trúc Triệu đồng	Nhà xưởng và máy móc thiết bị Triệu đồng	Xe cộ Triệu đồng	Thiết bị văn phòng Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2005	139.531	789.866	87.511	23.539	1.040.447
Tăng	50.699	158.637	23.429	12.889	245.654
Trong đó:					
Mua sắm mới	1.486	14.328	6.260	10.648	32.722
Chuyển vào từ XDCB dở dang	35.455	111.880	12.423	1.081	160.839
Chuyển vào do sáp nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 25)	13.758	32.429	4.746	1.160	52.093
Giảm	-	-	(534)	(287)	(821)
Trong đó:					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(534)	(287)	(821)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	190.230	948.503	110.406	36.141	1.285.280
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	21.627	321.268	34.535	9.719	387.149
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2005	87.401	471.970	56.153	14.017	629.541
Chi phí trong năm	6.388	59.240	6.638	5.239	77.505
Chuyển vào do sáp nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 25)	3.370	14.169	2.128	542	20.209
Giảm	-	-	(534)	(231)	(765)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	97.159	545.379	64.385	19.567	726.490
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2005	52.130	317.896	31.358	9.522	410.906
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	93.071	403.124	46.021	16.574	558.790

Như trình bày trong Thuyết minh 25, tài sản cố định hữu hình của Công ty TNHH Bình Định được nhập vào Công ty với tổng giá trị còn lại là 31.884 triệu đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, một số tài sản cố định với giá trị còn lại là 50.538 triệu đồng (2004: 57.106 triệu đồng) đã được thế chấp vào khoản vay dài hạn (Thuyết minh 10(b)).



Mẫu số B 09 - DN

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Phần mềm Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2005	19.992	-	19.992
Tăng	-	1.103	1.103
Trong đó:			
Mua sắm mới	-	1.103	1.103
Giảm	(92)	-	(92)
Trong đó:			
Thanh lý	(92)	-	(92)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	19.900	1.103	21.003
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2005	11.648	-	11.648
Chi phí trong năm	-	131	131
Thanh lý	(40)	-	(40)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	11.608	131	11.739
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2005	8.344	-	8.344
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	8.292	972	9.264

Công ty ngừng trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
Số đầu năm	139.007	87.711
Tăng	232.154	164.380
Chuyển vào do sáp nhập doanh nghiệp	18.304	-
Giảm	(1.979)	-
Chuyển sang tài sản cố định	(160.839)	(109.084)
Tái phân loại	(37.328)	(4.000)
Số cuối năm	189.319	139.007



Mẫu số B 09 - DN

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
Số đầu năm	45.974	49.063
Tăng	109.023	13.170
Phân bổ trong năm	(18.159)	(16.259)
Trừ: phân bổ trong vòng một năm	136.838	45.974
	(19.614)	(16.338)
Số cuối năm	117.224	29.636

Chi phí trả trước dài hạn là các khoản liên quan đến việc thuê đất. Số dư này bao gồm 84.412 triệu đồng tiền đền bù giải phóng mặt bằng do thuê lại quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Mỹ Phước, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê bắt đầu từ tháng 1 năm 2005 đến tháng 6 năm 2052

10 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay và nợ ngắn hạn

	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
Quý Đầu tư Phát triển TP. Hồ Chí Minh	-	3.282
Nợ dài hạn đến hạn trả	10(b)	10.000
	12.263	13.282

(b) Nợ dài hạn

	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
Quý Đầu tư Phát triển TP. Hồ Chí Minh	(i)	20.000
Quý Đầu tư Phát triển Bình Định	(ii)	2.673
	22.673	30.000
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	(12.263)	(10.000)
	10.410	20.000



Mẫu số B 09 - DN

10 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Nợ dài hạn (tiếp theo)

(i) Đây là một hợp đồng vay dài hạn ký kết năm 2003 với Quỹ đầu tư Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh(35%) và các ngân hàng trong nước(65%) để tài trợ cho dự án xây dựng mới nhà máy chế biến sữa và mua thiết bị của Công ty Cổ phần Sữa Sài Gòn, công ty này sau đó được sáp nhập vào Công ty trong năm 2004. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ tháng 1 năm 2004 đến tháng 11 năm 2007. Lãi suất vay được xác định bằng lãi suất bình quân tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, cộng 1% một năm. Khoản vay này được hưởng hỗ trợ lãi suất 3% một năm từ Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, số phải trả trong vòng một năm là 10.000 triệu đồng, được phân loại là nợ ngắn hạn.

(ii) Số dư liên quan đến 2 hợp đồng vay từ Quỹ Đầu tư Phát Triển Bình Định như sau:

* Hợp đồng vay từ Quỹ Đầu tư Phát Triển Bình Định có thời hạn 15 tháng, ký kết trong tháng 7 năm 2005 để đầu tư nhà xưởng và thiết bị. Lãi suất vay là 4.2% một năm hoàn trả trong 5 phân kỳ bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2005. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, số dư nợ là 605 triệu đồng được phân loại là nợ ngắn hạn.

* Hợp đồng vay từ Quỹ Đầu tư Phát Triển Bình Định có thời hạn 21 tháng, ký kết trong tháng 7 năm 2005 để đầu tư nhà xưởng. Lãi suất vay là 4.2% một năm hoàn trả trong 7 phân kỳ, bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2005. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, số dư nợ là 2.068 triệu đồng, trong đó 1.658 triệu đồng được phân loại là nợ ngắn hạn.

II CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
Chi phí phải trả	62.064	37.086
Dự phòng trợ cấp thôi việc	63.094	62.547
	125.158	99.633



Mẫu số B 09 - DN

12 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và phí Công đoàn	-	314
Cổ tức phải trả	189.999	180.159
Phải trả cho Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (i)	837.291	-
Tiền nhận đặt cọc, ký quỹ	5.180	3.753
Phải trả khác	3.869	10.400
	1.036.339	194.626

(i) Số dư này bao gồm 812.513 triệu đồng tiền thu được từ việc bán cổ phần thuộc phần vốn Nhà nước cho bên ngoài trong tháng 11 năm 2005.

13 CÁC KHOẢN THUẾ PHẢI TRẢ

	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.934	1.646
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.692	-
Thuế xuất - nhập khẩu	5.210	1.794
Khác	282	25.356
	19.118	28.796

14 THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Biến động gộp của tài khoản thuế thu nhập hoãn lại được trình bày như sau:

	2005 Triệu đồng	Giải đoạn từ ngày 1.12.2003 đến ngày 31.12.2004 Triệu đồng
Số đầu kỳ	-	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	2.884	-
Số cuối năm	2.884	-

Biến động trong năm của tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong trường hợp không tính bù trừ tại cùng một cơ quan thuế được trình bày như sau:



14 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

	Dự phòng Triệu đồng	Khoản khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2005	-	-	-
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	268	2.616	2.884
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005	268	2.616	2.884

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng trong vòng 12 tháng.

15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Nhà nước		Nhà đầu tư trong nước		Nhà đầu tư nước ngoài		Tổng cộng	
	Số cổ phiếu	Số tiền Triệu đồng	Số cổ phiếu	Số tiền Triệu đồng	Số cổ phiếu	Số tiền Triệu đồng	Số cổ phiếu	Số tiền Triệu đồng
Tại ngày 1/1/2003	12.000.000	1.200.000	31.984.300	35.043	533.946	53.394	15.692.371	1.569.237
Biến động trong kỳ	-	-	(132.384)	(132.389)	132.384	132.389	-	-
Tại ngày 31/12/2004	12.000.000	1.200.000	30.260.916	302.604	666.325	666.333	15.692.371	1.569.237
Biến động trong năm	(4.046.000)	(404.600)	39.565	35.137	1.904.064	390.406	207.629	20.763
Tại ngày 31/12/2005	7.952.000	795.200	5.577.611	597.762	4.570.389	457.039	15.900.000	1.590.000
Tỷ lệ số cổ phiếu	30,07%		21,29%		28,74%		100%	

Trong tổng số cổ phiếu do các nhà đầu tư trong nước nắm giữ có bao gồm 863.199 cổ phiếu với tổng giá trị là 215.178 triệu đồng được Công ty mua lại từ cổ đông Nhà nước đến năm 2005 để phân bổ lại cho nhân viên, từ các nguồn sau:

	Triệu đồng
Quỹ tiền lương tích lũy	126.677
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	88.501
	215.178

Quỹ tiền lương đã được Bộ Công nghiệp chấp thuận và tích lũy hàng năm từ trước khi cổ phần hóa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, có 765.629 cổ phiếu với tổng giá trị là 203.734 triệu đồng đã được phân bổ cho các nhân viên. Công ty ghi nhận số tiền này là khoản phải thu từ nhân viên (Thuyết minh 5) mà sau đó sẽ được căn trừ vào quỹ tiền lương, quỹ phúc lợi và khen thưởng khi có quyết định chính thức của Ban Lãnh đạo Công ty về mức độ nhân viên phải trả cho các cổ phiếu này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, 97.570 cổ phiếu còn lại với giá trị 11.444 triệu đồng được ghi nhận vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và đang chờ quyết định chính thức của Ban Lãnh đạo Công ty về việc phân bổ các cổ phiếu này.



Mẫu số B 09 - DN

16 TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần Triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần Triệu đồng	Quỹ đầu tư phần trăm Triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính Triệu đồng	Quỹ phúc lợi, khen thưởng Triệu đồng	Nguồn kinh phí sự nghiệp Triệu đồng	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tại ngày 1/1/2003 theo báo cáo năm trước	1500.000	990	-	33.531	318	389	-	1.564.128
Tăng do cấp nhập doanh nghiệp	6923	-	946	674	18	-	103	78.700
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	37.671	37.671
Phân bổ lợi nhuận trong năm	-	-	5.797	33.884	5.307	-	(120.488)	-
Cổ tức đã phân bổ	-	-	-	-	3.307	-	(33.616)	(231.299)
Biến động các quỹ trong kỳ	-	-	-	(53.371)	(16.443)	11	-	(70.004)
Tại ngày 31/12/2004	1.569.237	990	52.715	36.358	36.985	301	156.680	1.832.246
Vốn tăng trong năm	30.763	44.227	-	-	-	-	-	64.990
Tăng do cấp nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 5)	-	-	-	-	75	-	-	75
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	605.484	605.484
Phân bổ lợi nhuận trong năm	-	-	60.548	30.274	60.548	-	(31.373)	-
Cổ tức đã công bố (Thuyết minh 1)	-	-	-	-	14.674	-	(230.300)	(255.626)
Biến động các quỹ trong năm	-	-	-	-	(20.270)	(713)	-	(20.273)
Tại ngày 31/12/2005	1.900.000	942,7	113.263	36.632	32.208	126	340.674	2.346.088

17 CỔ TỨC

Trong năm 2005, Công ty công bố cổ tức giữa kỳ với tổng giá trị là 270.300 triệu đồng (17.000 đồng/cổ phiếu), trong đó bao gồm 14.674 triệu đồng là cổ tức cho các cổ phiếu Công ty đã mua và phân bổ cho nhân viên (Thuyết minh 15). Số cổ tức cho các cổ phiếu này được ghi nhận là một khoản tăng trong quỹ phúc lợi và khen thưởng.

Cổ tức thuộc niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 sẽ được đề xuất trong Đại hội cổ đông của Công ty tổ chức trong năm 2006. Báo cáo tài chính không thể hiện số cổ tức cuối kỳ phải trả cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005.

18 DOANH THU

(a) Doanh thu thuần

	2005 Triệu đồng	Giải đoạn từ ngày 1/1/2003 đến ngày 31/12/2004 Triệu đồng
Doanh thu		
Doanh thu nội địa	4.272.926	3.479.099
Doanh thu xuất khẩu	1.386.364	747.744
	5.659.290	4.226.843
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(11.768)	-
Giảm giá hàng bán	(678)	-
Hàng bán bị trả lại	(8.060)	-
	(20.506)	-
	5.638.784	4.226.843



Mẫu số B 09 - DN

18 DOANH THU (tiếp theo)

Các khoản giảm trừ (tiếp theo)

Trong năm 2004, các khoản giảm trừ được ghi nhận vào chi phí bán hàng. Trong năm 2005, Công ty trình bày các khoản giảm trừ vào doanh thu thuần. Tuy nhiên, số liệu các khoản giảm trừ trong năm 2004 không được điều chỉnh.

(b) Doanh thu hoạt động tài chính

	2005 Triệu đồng	Giai đoạn từ ngày 1.12.2003 đến ngày 31.12.2004 Triệu đồng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	40.506	45.760
Lãi đầu tư trái phiếu	5.752	9.479
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.562	2.266
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.069	3.429
Lãi đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	3.742	8.292
Các thu nhập tài chính khác	742	27
	55.373	69.253

19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2005 Triệu đồng	Giai đoạn từ ngày 1.12.2003 đến ngày 31.12.2004 Triệu đồng
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	4.223.063	2.977.038
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	152.686	184.333
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.047	5.022
	4.379.796	3.166.393

20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2005 Triệu đồng	Giai đoạn từ ngày 1.12.2003 đến ngày 31.12.2004 Triệu đồng
Chi phí lãi	10.030	8.362
Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.263	43.369
Chi phí tài chính khác	695	130
	19.988	51.861



Mẫu số B 09 - DN

21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Những chỉ tiêu sau đây được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

	2005 Triệu đồng	Giai đoạn từ ngày 1.12.2003 đến ngày 31.12.2004 Triệu đồng
Khấu hao tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	19.861	18.585
Chi phí nhân viên	14.025	30.879
Chi phí thuê	6.523	2.490

22 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2005 Triệu đồng	Giai đoạn từ ngày 1.12.2003 đến ngày 31.12.2004 Triệu đồng
Thu nhập khác		
Lãi do thanh lý tài sản	3.660	936
Thuế được hoàn lại	36.232	5.142
Thu nhập khác	5.220	6.925
	45.112	13.003
Chi phí khác		
Lỗ do thanh lý tài sản	(1.821)	(273)
Chi phí khác	(524)	(496)
	(2.345)	(769)
Thu nhập khác - số thuần	42.767	12.234

23 THUẾ

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ 15% đến 28% tùy theo địa phương trên lợi nhuận chịu thuế.

Theo Nghị định 98/2002/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2002, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm đầu tiên kể từ ngày cổ phần hóa (tháng 12 năm 2003) và giảm 50% số thuế thu nhập phải trả trong hai năm tiếp theo. Theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2003 áp dụng cho những doanh nghiệp mới thành lập và có sử dụng số lao động bình quân lớn, Công ty có thể được miễn thuế doanh nghiệp trong hai năm đầu tiên và giảm 50% số thuế thu nhập phải trả trong ba năm tiếp theo.



Mẫu số B 09 - DN

23 THUẾ (tiếp theo)

	2005 Triệu đồng	Giai đoạn từ ngày 1.12.2003 đến ngày 31.12.2004 Triệu đồng
Thuế hiện hành	-	(26.410)
Thuế hoãn lại (Thuyết minh 14)	2.884	-
	2.884	(26.410)

24 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Bộ Công Nghiệp, chiếm 50.01% vốn điều lệ của Công ty.

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

(i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	2005 Triệu đồng	Giai đoạn từ ngày 1.12.2003 đến ngày 31.12.2004 Triệu đồng
Doanh thu từ bán nguyên liệu cho Công ty Liên doanh Campina	13.883	-
Doanh thu từ bán sản phẩm cho Công ty Liên doanh Campina	4.082	-
	17.965	-

(ii) Mua hàng hóa và dịch vụ

	2005 Triệu đồng	Giai đoạn từ ngày 1.12.2003 đến ngày 31.12.2004 Triệu đồng
Mua hàng hóa từ Công ty Cổ Phần Bao Bì Dầu Thực Vật	12.123	1.955
Mua hàng hóa từ Công ty Liên doanh Campina	13.243	-
	25.366	1.955



Mẫu số B 09 - DN

24 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

iii) Các khoản chi cho Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

	2005 Triệu đồng	Giai đoạn từ ngày 1.12.2003 đến ngày 31.12.2004 Triệu đồng
Lương và các quyền lợi gộp khác	10.161	5.412

iv) Hoạt động tài chính

	2005 Triệu đồng	Giai đoạn từ ngày 1.12.2003 đến ngày 31.12.2004 Triệu đồng
Cho Công ty Liên doanh Campina vay	13.124	-
Lãi từ khoản cho Công ty Liên Doanh Campina vay	19	-
	13.143	-

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
Các khoản phải thu		
Công ty Liên Doanh Campina	4.645	-
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Bao Bì Dầu Thực Vật	2.980	1.022



Mẫu số B 09 - DN

25 SÁP NHẬP

Vào ngày 23 tháng 5 năm 2005, Công ty mua lại phần vốn góp còn lại tương đương 29.36% vốn điều lệ của Công ty TNHH Sữa Bình Định mà Công ty chưa sở hữu và Công ty TNHH Sữa Bình Định trở thành một chi nhánh của Công ty. Tài sản và nguồn vốn của Công ty TNHH Sữa Bình Định được nhập vào tài sản và nguồn vốn của Công ty theo giá trị sổ sách như sau (trước khi trừ trừ công nợ):

Tài sản	Triệu đồng	Nguồn vốn	Triệu đồng
Tài sản lưu động	22.733	Nợ ngắn hạn	33.642
Tài sản cố định	52.093	nợ dài hạn	5.792
Khấu hao lũy kế	(20.209)	Vốn chủ sở hữu	31.562
Xây dựng cơ bản dở dang	18.304	Các quỹ	75
Tài sản dài hạn	15	Lợi nhuận chưa phân phối	1.865
Tổng cộng tài sản	72.936	Tổng cộng nguồn vốn	72.936

Không có lợi thế thương mại cũng như tài sản cố định vô hình phát sinh từ việc sáp nhập nêu trên.

26 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, Công ty báo cáo hoạt động theo hai bộ phận kinh doanh: nội địa và xuất khẩu.

Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận.

Kết quả kinh doanh theo bộ phận trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005:

	Nội địa Triệu đồng	Xuất khẩu Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Doanh thu	4.252.421	1.386.363	5.638.784
Giá vốn hàng bán	(3.241.398)	(1.138.398)	(4.379.796)
Lợi nhuận gộp	1.011.023	247.965	1.258.988

Kết quả kinh doanh theo bộ phận cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2003 đến ngày 31 tháng 12 năm 2004:

	Nội địa Triệu đồng	Xuất khẩu Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Doanh thu	3.479.099	747.744	4.226.843
Giá vốn hàng bán	(2.639.140)	(527.253)	(3.166.393)
Lợi nhuận gộp	839.959	220.491	1.060.450



Mẫu số B 09 - DN

27 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang của Công ty có mức phải trả tối thiểu trong tương lai như sau:

	Bất động sản	
	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
Dưới 1 năm	14.239	570
Từ 1 đến 5 năm	17.587	3.619
trên 5 năm	51.435	79.500
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	83.261	83.689

Cam kết thuê hoạt động liên quan đến các hợp đồng thuê đất và văn phòng cho các nhà máy và chi nhánh của Công ty.

28 CAM KẾT VỐN

Các cam kết vốn đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	2005 Triệu đồng	2004 Triệu đồng
Nhà xưởng máy móc và thiết bị	24.730	-



Mẫu số B 09 - DN

29 CÁC CAM KẾT KHÁC

Ngày 30 tháng 8 năm 2005, Công ty ký một hợp đồng liên doanh với SABMiller Asia B.V. ("SABMiller"), một công ty đăng ký thành lập tại Hà Lan, để thành lập một công ty liên doanh sản xuất và phân phối bia và các thức uống tại thị trường Việt Nam và xuất khẩu. Theo hợp đồng liên doanh, tổng vốn đầu tư của dự án là 45 triệu Đô la Mỹ và vốn pháp định của công ty liên doanh là 13,5 triệu Đô la Mỹ, một phần vốn đầu tư sẽ được tài trợ bằng vốn vay. Việc xin giấy phép đầu tư cho công ty liên doanh đang được tiến hành vào ngày của báo cáo này.

Theo hợp đồng liên doanh, Công ty sẽ xây dựng một nhà máy sản xuất thức uống với sự trợ giúp của SABMiller và SABMiller sẽ chịu 50% chi phí xây dựng nhà máy mà Công ty đã phát sinh.

30 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 19 tháng 1 năm 2006, Công ty niêm yết cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-OPNY do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước ký ngày 28 tháng 12 năm 2005. Theo Nghị định 144/2003/NĐ-CP về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán do Chính phủ ban hành, cổ phiếu niêm yết phải có mệnh giá là 10.000/cổ phiếu. Do đó, mệnh giá cổ phiếu của Công ty thay đổi từ 100.000 đồng/cổ phiếu thành 10.000 đồng/cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu thay đổi từ 15.900.000 cổ phiếu thành 159.000.000 cổ phiếu.

31 CÁC SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số thông tin mang tính so sánh trong báo cáo tài chính được phân loại lại khi trình bày báo cáo tài chính cho phù hợp với sự thay đổi của các chuẩn mực kế toán Việt Nam trong năm.

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 15 tháng 3 năm 2006.

Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc